TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 91/2018/QĐST-HNGĐ	*Bắc Giang, ngày 02 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 102/2018/TLST-HNGĐ ngày 28tháng 03 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn**:** Chị Ma Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn S, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn G, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ma Thị H và anh Đỗ Văn S

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Chị Ma Thị H và anh Đỗ Văn S thỏa thuận để anh Sơn trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đỗ Ngọc T, sinh ngày 17/11/2015. Chị H có quyền chăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ma Thị H và anh Đỗ Văn S thỏa thuận chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T, mức cấp dưỡng là 1000.000đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Ma Thị H và anh Đỗ Văn S đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết .

- Về án phí: Chị Ma Thị H nhận nộp cả 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số: AA/2016/0000058 ngày 28/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Triệu Thị Luyện

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP.B;
- VKSND TP.B;
- UBND xã T, Tp.B, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.